

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA NGÀNH THIẾT KẾ THỜI TRANG
HỆ ĐẠI HỌC KHÓA 14 (2020 - 2024)

T T	Học kỳ	Mã HP	KHỐI KIẾN THỨC - HỌC PHẦN	Tổng số TC	Học kỳ I				Học kỳ II				Học kỳ III				Học kỳ IV				Học kỳ V				Học kỳ VI				Học kỳ VII				Học kỳ VIII				Ghi chú
					Số	Lý	Thực	Tự	Số	Lý	Thực	Tự	Số	Lý	Thực	Tự	Số	Lý	Thực	Tự	Số	Lý	Thực	Tự	Số	Lý	Thực	Tự	Số	Lý	Thực	Tự	Số	Lý	Thực	Tự	
					TC	thuyết	hành	hoc	TC	thuyết	hành	hoc	TC	thuyết	hành	hoc	TC	thuyết	hành	hoc	TC	thuyết	hành	hoc	TC	thuyết	hành	hoc	TC	thuyết	hành	hoc	TC	thuyết	hành	hoc	
1		M1	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG	22																																	
			<i>Các học phần bắt buộc</i>	22																																	
1	1	POL2009	Triết học Mác-Lênin	3	3	32	8	5																													
2	2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2					2	20	8	2																									
3	3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									2	20	8	2																					
4	4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2													2	20	8	2																	
5	5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2																	2	20	8	2													
6	2	POL2007	Pháp luật đại cương	2						2	20	8	2									2	20	8	2												
7	1	INF2001	Tin học cơ bản	2	2	5	15	10																													
8	1	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	4	16	40	4																													
9	2	CFL2002	Tiếng Anh 2	3					3	22	20	3																									
10	1	PPE2010	Giáo dục thể chất 1			3	25	2																													
11	2	PPE2011	Giáo dục thể chất 2							5	37	3																									
11		GDQP	Giáo dục quốc phòng																																		
11		M2	KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN CHUNG CỦA NHÓM NGÀNH	23																																	
11			<i>Các học phần bắt buộc</i>	19																																	
12	6	PPE2008	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2																			2	20	8	2											
13	4	FAE2072	Mỹ học	2													2	20	8	2																	
14	7	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3																							3	30	12	3							
15	4	FAD2001	Vẽ kỹ thuật	2													2	10	18	2																	
16	3	FAD2004	Nhân trắc học may mặc	2																																	
17	1	FAD2050	Hình họa 1	2	2	2	26	2						2	13	2																					
18	2	FAD2051	Hình họa 2	2						2	2	26	2																								
19	3	FAD2052	Hình họa 3	2										2	2	26	2																				
20	4	FAD2053	Hình họa 4	2													2	2	26	2																	
20			<i>Các học phần tự chọn</i>	4/10																																	
20		BFA2001	Nghệ thuật học đại cương	2																																	
21	3	PPE2007	Tâm lý học đại cương	2										2	20	8	2																				
21		PPE2005	Tâm lý học tiêu dùng	2																																	
22	4	FAD2017	Lịch sử trang phục Việt Nam và thế giới	2																																	
22		FAD2058	Kỹ năng khởi nghiệp (TKTT)	3																																	
22		FAD2005	Lịch sử mỹ thuật ứng dụng																																		
22		BFA2009	Luật xa gần	2																																	
22		FAD2006	Giải phẫu tạo hình																																		
22		M3	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	24																																	
22			<i>Các học phần bắt buộc</i>	16																																	
23	1	FAD2054	Trang trí cơ bản 1	2	2	2	26	2																													
24	2	FAD2055	Trang trí cơ bản 2	2						2	2	26	2																								
25	3	FAD2057	Vật liệu may & Sáng tác mẫu vải	2										2	3	25	2																				
26	2	FAD2009	Công nghệ may 1	2						2	20	2																									
27	5	FAD2010	Công nghệ may 2	2																		2	20	8	2												
28	2	FAD2011	Thực hành công nghệ may 1	3						3	12	30	3																								
29	5	FAD2012	Thực hành công nghệ may 2	3																		3	12	3													
29			<i>Các học phần tự chọn</i>	8/8																																	
30	6	FAD2013	Marketing thời trang	2																			2	20	8	2											
30		FAD2014	Chất lượng sản phẩm thời trang																																		
31	6	FAD2015	Cơ sở thiết kế trang phục	2																			2	8	2												